

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 17-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Thành Phương
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Chí K, tên gọi khác: không, sinh năm 1995 tại tỉnh Long An. ĐKTT: ấp 1 xã L huyện C tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Công N và bà Nguyễn Thị Kim L; Bản thân chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 20/9/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thời hạn 20 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 06/1/2024 cho đến ngày 06/9/2024, có mặt.

2. Nguyễn Đan T, tên gọi khác: không, sinh năm 2002 tại tỉnh Long An, ĐKTT: ấp C xã P huyện C tỉnh Long An, nơi ở hiện tại: ấp A xã L huyện C tỉnh Long An; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoàng S và bà Võ Thị Tuyết M; Bản thân chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 06/1/2024 cho đến ngày 06/9/2024, có mặt.

- Bị hại: Dương Tấn V, sinh năm: 1995

Địa chỉ: ấp C xã P huyện C tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phạm Thị Mỹ A, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp A xã L huyện C tỉnh Long An (vắng mặt).

2/ Huỳnh Quốc T1, sinh năm 1986

ĐKTT: thôn Tân Phước Tây huyện Vạn Phước huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: ấp 1 xã L huyện C tỉnh Long An (vắng mặt).

3/ Phan Đức T2, sinh năm: 1971

Địa chỉ: B khu phố D phường T quận B thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4/ Nguyễn Văn P, sinh năm 1952

Địa chỉ: 1 P, phường F, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1/ Võ Văn K1, sinh năm: 1960

Địa chỉ: ấp A xã L huyện C tỉnh Long An (vắng mặt).

2/ Bùi Kim L1, sinh năm: 1962

Địa chỉ: ấp A xã L huyện C tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 45 phút ngày 06/11/2023 Huỳnh Chí K điều khiển xe mô tô loại Dream màu vàng biển kiểm soát 51V8-3473 chở Nguyễn Đan T từ nhà thuộc Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An đi đến nhà bạn ở xã L chơi. Khi đến tuyến đường liên xã P-L đoạn thuộc Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An, đường có đèn đường chiếu sáng thì K thấy Dương Tấn V điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại 67, biển kiểm soát 52KA-0855 chạy ngược chiều hướng về xã L. Do V còn thiếu K số tiền 14.000.000 đồng chưa trả nên khi thấy K, V dừng xe lại. K chạy vòng xe lại về hướng của V đậu xe ngang với xe của V, đậu ở bên ngoài. K bước xuống đi vòng qua đứng đối diện với V. Lúc này, V đã bước xuống xe đứng cặp với xe của V, T vẫn còn ngồi trên xe của K. K hỏi V “tiền sao mấy tháng nay không trả, điện thoại không bắt máy” nhưng V im lặng. Thấy V không trả lời, K dùng hai tay đánh nhiều cái vào mặt của V, V chỉ đưa tay lên đỡ chứ không có đánh trả và nói “từ từ trả”. Do tại đây có đèn đường và người dân nhìn nên K kêu V chạy xuống quán N1 ở Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An nói chuyện. Khi chạy đến trước quán của Hai K2 thì K chở T chạy vượt từ

phía sau lên cúp đầu xe V lại nên cả hai xe đều dừng lại, K bước xuống xe, đi vòng qua trái xe K đến chỗ V, đứng đối diện V cách nhau khoảng 0,5 mét, K tiếp tục hỏi V “Tiền hứa chính xác chừng nào trả” thì V hẹn tới 10 tây trả. K nghe V nói vậy nên dùng tay đánh vào mặt của V, V chỉ đưa tay lên đỡ không đánh trả. K nhìn thấy 01 cục gạch ống loại 4 lỗ trước quán N1 nên lấy cầm trên tay trái ra chỗ V đang đứng đập mạnh xuống nền đường nhựa để đe dọa V, tiếp đó K đi lại bụi cây cách chỗ K đứng khoảng 02 mét, lấy một khúc gỗ tre khô dài khoảng 90cm, đường kính 05cm đánh vào lưng và chân của V làm gãy cây tre. K bỏ khúc tre còn lại xuống đất chỗ đánh V. Lúc này, ông Võ Văn K1 đi ra can ngăn không cho K đánh V và nói với K đừng có đánh V nữa, hẹn 10 tây mà nay mới 06 tây mà đánh gì. K nói với ông K1 là V hẹn nhiều lần rồi, và tiếp tục nói với V “hẹn nhiều lần không trả tiền thì để xe lại đây đến 10 tây có tiền đem xuống lấy xe lại”. K kêu T lấy xe V về, T không nói gì. Nghe vậy, V sợ K và T lấy xe nên nói với K “đừng lấy xe mình để mình đi làm kiếm tiền trả bạn”. K không nói gì mà tiếp tục kêu T lấy xe V về, T đi qua lấy xe của V và điều khiển chạy về hướng xã L, K cũng điều khiển xe của K chạy theo T. Khi chạy ra đến đường T trước quán C thuộc Ấp A, xã L thì K kêu T dừng xe lại, K dẫn xe BKS 52KA-0855 của V vào trong quán cà phê gửi cho chủ quán là chị Phạm Thị Mỹ A. Chị A không nói gì và đồng ý nên K dẫn xe để ở căn ló cùng chìa khóa xe. Sau đó K đi ra ngoài chờ T về nhà của T, K đi về nhà và không liên lạc gì với V. V vì bị K đánh và đe dọa nên sợ không dám phản kháng gì, sau khi K lấy xe thì V đến Công an xã L trình báo rồi đến Trung tâm y tế huyện C cơ sở 2 điều trị thương tích, V từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự đối với K.

Tại bản kết luận định giá số: 40/KL-HĐĐGTX, ngày 04/12/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự thì xe mô tô hiệu Honda, loại 67, biển kiểm soát 52KA-0855 có giá là 3.633.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 35/QĐ-KSĐT ngày 26/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn do đó cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17, 38, 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Chí K từ 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17, 38, 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đan T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 3 năm.

Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T đã bồi thường cho bị hại Dương Tấn V số tiền 4.000.000 đồng, anh V không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn không yêu cầu xử lý hình sự.

Về vật chứng:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda Dream, màu vàng, biển kiểm soát 51V8-3473; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại 67, màu đỏ bạc, biển kiểm soát 52KA-0855. Qua xác minh, Cơ quan công an xác định xe mô tô hiệu Honda, loại 67, màu đỏ bạc, biển kiểm soát 52KA-0855 là tang vật của vụ án, thuộc sở hữu của Dương Tấn V nên đã giao trả lại cho bị hại. Trả lại cho Huỳnh Quốc T1 là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu honda Dream, màu vàng, biển kiểm soát 51V8-3473.

01 (một) khúc tre dài 45cm, đường kính 05cm, cân nặng 260gam; 01 (một) khúc tre dài 45cm, đường kính 05cm, nặng 210gam; 09 (chín) mảnh vỡ gạch ống không rõ hình dạng đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang tạm giữ, quản lý).

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng

truy tố các bị cáo là không oan sai. Các bị cáo không tranh luận. Bị hại không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản ảnh, Bản kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ việc Dương Tấn V vay mượn tiền của Huỳnh Chí K nhưng chưa trả nên vào khoảng 18 giờ 45 phút ngày 06/11/2023 khi gặp V điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại 67, biển kiểm soát 52KA-0855 trên đường liên xã P-L, thuộc Ấp C, xã P, huyện C, K dùng tay đánh nhiều cái vào mặt V, dùng gạch ống loại 04 lỗ đập mạnh xuống đường trước mặt V để đe dọa và dùng một khúc tre khô dài 90cm, đường kính 05cm đánh vào lưng và chân V để yêu cầu V trả tiền nợ cho K nhưng V hẹn đến 10 tây sẽ trả. K không đồng ý cho V hẹn nên đã kêu T chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda, loại 67, biển kiểm soát 52KA-0855 trị giá 3.633.000 đồng của V để nhằm buộc V đến hẹn phải trả tiền cho K. Do bị K đánh và đe dọa nên V không dám phản ứng gì khi K và T lấy xe của V, sau khi bị lấy xe thì V đến công an trình báo. Qua làm việc K và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình nên đã đủ cơ sở kết luận Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ vụ lợi, mục đích cưỡng đoạt tài sản nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần bị hại. Hành vi của các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Các bị cáo cũng nhận biết việc dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn bị hại nhanh chóng trả tiền nợ nên bị cáo bất chấp chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Trong vụ án này các bị cáo không thể hiện rõ việc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể từng người, không có sự cầu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó cần phải xử lý các bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn do đó cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo là do mâu thuẫn bộc phát nhất thời, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, sau sự việc xảy ra các bị cáo đã đến thăm hỏi bị hại, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại, hiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo, bị cáo T có nhân thân tốt. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng có khả năng tự cải tạo do đó việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì có đủ điều kiện cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại

phiên tòa đều cho thấy các bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T đã bồi thường cho bị hại Dương Tấn V số tiền 4.000.000 đồng, anh V không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu honda Dream, màu vàng, biển kiểm soát 51V8-3473, K sử dụng làm phương tiện phạm tội là xe của anh Huỳnh Quốc T1 mua lại của người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên, anh T1 không biết K sử dụng xe trên để phạm tội, hiện Cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho anh T1 là phù hợp.

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại 67, màu đỏ bạc, biển kiểm soát 52KA-0855 thuộc sở hữu của Dương Tấn V nên đã giao trả lại cho bị hại là phù hợp.

- 01 (một) khúc tre dài 45cm, đường kính 05cm, cân nặng 260gam; 01 (một) khúc tre dài 45cm, đường kính 05cm, nặng 210gam; 09 (chín) mảnh vỡ gạch ống không rõ hình dạng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức đang tạm giữ).

Đối với hành vi của Huỳnh Chí K sử dụng tay và cây tre khô gây thương tích cho V nhưng do V có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định thương tích nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C không xem xét xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với hành vi của Phạm Thị Mỹ A nhận giữ xe mô tô hiệu Honda, loại 67, biển kiểm soát 52KA-0855 nhưng không biết xe trên do phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[8] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Chí K 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2024).

Bị cáo Nguyễn Đan T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2024).

Giao bị cáo Huỳnh Chí K và Nguyễn Đan T về cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An theo dõi việc các bị cáo chấp hành hình phạt án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khúc tre dài 45cm, đường kính 05cm, cân nặng 260 gr; 01 (một) khúc tre dài 45cm, đường kính 05cm, nặng 210 gr; 09 (chín) mảnh vỡ gạch ống không rõ hình dạng.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện C đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/4/2024).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Huỳnh Chí K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đan T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, bị hại, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện C;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm

